

Số: 291 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 07 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa  
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm số 77/201/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3 tháng 6 năm 2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thông qua Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh tại Thông báo số 576-TB/VPTU ngày 28/12/2021 của Văn phòng Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 09/TTr-SKHĐT ngày 25 tháng 01 năm 2022.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**Điều 2.** Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Đề án này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Các Hiệp hội doanh nghiệp;
- LĐVP, KT;
- Lưu: VT. VP.UBND.

id

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng



## ĐỀ ÁN

### Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Kèm theo Quyết định số 291../QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

## PHẦN I

### SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong những năm gần đây, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đã có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới liên tục tăng qua các năm, cụ thể:

- Năm 2019 số doanh nghiệp mới đăng ký thành lập là 658 với số vốn đăng ký đạt 10.167,153 tỷ đồng (tăng 17% về số lượng doanh nghiệp và tăng gấp 2,06 lần về tổng vốn đăng ký so với năm 2018).

- Năm 2020 số doanh nghiệp mới đăng ký thành lập là 748 DN và số vốn là 7.408 tỷ đồng (tăng 14% về số lượng doanh nghiệp và đạt 72,8% về tổng vốn đăng ký so với năm 2019).

- Lũy kế số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giai đoạn 2016-2020 là 3.138 DN với tổng số vốn là 33.132 tỷ đồng.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có 6.051 doanh nghiệp, vốn điều lệ đăng ký là 120.630 tỷ đồng. Trong số 6.051 doanh nghiệp có 5.839 doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), chiếm 96,49%. Các doanh nghiệp phục vụ cho đời sống hàng ngày của người dân Tây Ninh nói riêng và của cả nước nói chung, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tạo ra của cải ngày càng nhiều cho xã hội đóng góp ngày càng lớn cho ngân sách và là những thành viên tích cực tham gia vào sự nghiệp đổi mới và hội nhập của đất nước. Tuy nhiên, đa số doanh nghiệp nhỏ và vừa còn hạn chế trong quản trị và điều hành doanh nghiệp, nguồn lực tài chính yếu, số lượng doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, giải thể còn nhiều; đối với hộ kinh doanh còn hạn chế nhiều mặt: quy mô, trình độ quản lý, ứng dụng kỹ thuật công nghệ, thị trường,...

Trong thời gian qua, UBND tỉnh Tây Ninh đặc biệt quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV; nhiều hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đã được triển khai trên địa bàn tỉnh như: Tăng cường công tác cải cách hành chính; hỗ trợ chính sách khuyến công - tập trung vào hỗ trợ máy móc, thiết bị, chuyển giao công nghệ, trình diễn kỹ thuật, thiết kế và sản xuất bao bì, sản phẩm; hỗ trợ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp; hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ, phát triển thị trường công nghệ, tài sản trí tuệ; hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh lên doanh nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm thế mạnh của tỉnh để tìm thị trường xuất khẩu cho doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia ít nhất một cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong các ngành, sản phẩm có thế mạnh của địa phương; hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;... nhằm góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho doanh nghiệp phát triển.

Tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ phát triển Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, đặc biệt là DNNVV. Các Doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay thương mại còn gặp khó khăn do không đáp ứng được các điều kiện vay như không có hoặc thiếu tài sản đảm bảo. Các nguồn tài chính khác như Quỹ đầu tư phát triển tỉnh, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh tuy đã được thành lập, nhưng DNNVV cũng gặp khó khăn vướng mắc khi tiếp cận, chưa kể vốn của các Quỹ này cũng còn khá hạn hẹp. Việc chuyển đổi từ hộ kinh doanh sang doanh nghiệp vẫn mang tính tự phát; chưa có chính sách phù hợp để khuyến khích các hộ kinh doanh đủ điều kiện chuyển đổi lên thành doanh nghiệp.

Tình hình khó khăn trên một phần bắt nguồn từ các hạn chế sau: (1) Yếu về nguồn lực và tiếp cận nguồn vốn, do đó khó khăn trong việc phát triển sản xuất kinh doanh; (2) Năng lực quản lý, quản trị doanh nghiệp, kiến thức pháp lý yếu nên hiệu quả kinh doanh thấp, phương án sản xuất kinh doanh chưa chú trọng nâng cao năng lực cạnh tranh; (3) Năng lực kết nối thị trường, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp còn yếu, các sản phẩm của doanh nghiệp ít được phân phối qua kênh tiêu thụ của các trung tâm thương mại lớn; (4) Hạn chế trong nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ, chưa mạnh dạn áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; (5) Thiếu thông tin hội nhập, thụ động về các nguyên tắc, cam kết quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư đặc biệt là các cam kết song phương, đa phương; (6) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa còn phân tán do nhiều

ơ quan chủ trì thực hiện ở các sở, ban, ngành, lĩnh vực khác nhau; chưa có cơ quan chủ trì nên chưa tập trung thống nhất, gây khó khăn cho các doanh nghiệp khi tiếp cận.

Qua thực trạng nêu trên, nếu có những chính sách phù hợp và giải pháp hỗ trợ đủ mạnh dành cho DNNVV nói chung và DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh nói riêng thì sẽ tạo được động lực to lớn để phát triển mạnh mẽ số lượng, chất lượng và quy mô DNNVV trên địa bàn tỉnh; từng bước gia tăng tỷ lệ doanh nghiệp có quy mô lớn; hình thành các trục liên kết, các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Do đó, việc xây dựng Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh” là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

## PHẦN II

### MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ

#### I. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

##### 1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV, các Nghị định của Chính phủ nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch để thúc đẩy DNNVV phát triển về số lượng, chất lượng, đóng góp vào sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

- Số lượng DNNVV thành lập mới trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 3.250 doanh nghiệp, tăng khoảng 6% so giai đoạn 2016-2020 (giai đoạn 2016-2020 là 3.052 doanh nghiệp).

*(Đính kèm Phụ biểu 1A)*

- Số lượng việc làm tạo ra trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 khoảng 9.959 lao động, tăng khoảng 5% so giai đoạn 2016-2020 (giai đoạn 2016-2020 là 9.492 lao động).

*(Đính kèm Phụ biểu 1B)*

- Phần đầu đến cuối năm 2025, DNNVV đóng góp trên 30% GRDP của tỉnh.

- Hình thành cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung để hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Đến năm 2025, hình thành được các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến các sản phẩm chủ lực, thế mạnh của tỉnh (sản phẩm trồng trọt ứng dụng công nghệ cao, sản phẩm chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao; mía, mì, cao su và các sản phẩm chế biến từ mía, mì, cao su;...

## **II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ**

### **1. Đối tượng hỗ trợ**

Các DNNVV thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định DNNVV theo Điều 5 Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV.

### **2. Phạm vi hỗ trợ**

Các DNNVV thành lập và hoạt động trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, thời gian áp dụng trong giai đoạn 2021-2025.

### **3. Nguyên tắc hỗ trợ**

3.1. Căn cứ vào nguồn lực hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa được nhận nguồn lực hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ trước được hỗ trợ trước.

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội theo quy định của pháp luật được hỗ trợ trước.

3.2. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn một mức hỗ trợ có lợi nhất.

## **PHẦN III**

### **NỘI DUNG HỖ TRỢ**

#### **I. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHUNG**

##### **1. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng, bảo lãnh tín dụng**

###### **1.1. Phương thức hoạt động**

- Thành lập “Quỹ Bảo lãnh tín dụng DNNVV và hỗ trợ khởi nghiệp” theo quy định tại Điều 09 của Luật Hỗ trợ DNNVV và Khoản 1 điều 5 Nghị

định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ nhằm mở rộng các hoạt động bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp trên địa bàn, trong đó khuyến khích bảo lãnh tín dụng cho các DNNVV vay vốn tại các tổ chức tín dụng (TCTD).

- Rà soát, cải tiến quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa, ứng dụng công nghệ để DNNVV dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi cho DNNVV trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai có hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng-doanh nghiệp. Triển khai các chương trình, gói tín dụng cho DNNVV trên địa bàn tỉnh.

### **1.2. Nội dung hỗ trợ**

- DNNVV thuộc đối tượng quy định tại Điều 15 Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ.

- Việc thực hiện cấp bảo lãnh tín dụng theo quy định của điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng DNNVV và hỗ trợ khởi nghiệp.

## **2. Hỗ trợ công nghệ**

### **2.1. Phương thức hoạt động**

Thực hiện theo kế hoạch hỗ trợ DNNVV chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

- Tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số cho cộng đồng DNNVV.

- Hỗ trợ, vận động DNNVV tham gia và sử dụng các nền tảng số để chuyển đổi số theo Chương trình chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tổ chức hội thảo, đào tạo tập huấn về chuyển đổi số cho các DNNVV.

### **2.2 Nội dung hỗ trợ**

2.2.1. Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh (*không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa*).

2.2.2. Hỗ trợ 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển

đổi mô hình kinh doanh (không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa).

2.2.3. Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp (không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp).

2.2.4. Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp (không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp).

### **2.3. Trình tự, thủ tục**

Thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 32 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### **2.4. Đơn vị thực hiện**

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan.

## **3. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất, kinh doanh**

### **3.1. Hoạt động hỗ trợ**

- Công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021- 2025 của tỉnh Tây Ninh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt để doanh nghiệp có nhu cầu đều nắm được thông tin đầy đủ, chính xác từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV thực hiện các thủ tục về đất đai liên quan đến giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định.

### **3.2. Đơn vị thực hiện**

Sở Tài Nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật và chức năng nhiệm vụ.

## **4. Hỗ trợ pháp lý**

### **4.1. Hoạt động hỗ trợ**



Thực hiện theo Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2025.

#### **4.2. Đơn vị thực hiện**

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan.

## **II. HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC**

### **1. Đào tạo khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh**

#### **1.1. Hoạt động hỗ trợ**

1.1.1. Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp (*Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn phí truy cập các thông tin quy định nội dung này trên Cổng thông tin và trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tài khoản sử dụng trên Cổng thông tin được quản lý tập trung trên Cổng thông tin*).

a) Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và 70% tổng chi phí của một khóa quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Miễn học phí cho học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội khi tham gia khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp.

1.1.2. Hỗ trợ đào tạo trực tuyến về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp

a) Miễn phí truy cập và tham gia các bài giảng trực tuyến có sẵn trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Doanh nghiệp nhỏ và vừa truy cập hệ thống đào tạo trực tuyến để học tập theo thời gian phù hợp. Hệ thống đào tạo trực tuyến bao gồm nền tảng quản trị đào tạo trực tuyến, nền tảng đào tạo trực tuyến và hệ thống nội dung bài giảng trực tuyến;

b) Miễn phí tham gia các khóa đào tạo trực tuyến, tương tác trực tiếp với doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các công cụ dạy học trực tuyến có sẵn ứng dụng trên các thiết bị điện tử thông minh của đối tượng được đào tạo (Zoom Cloud Meeting, Microsoft Teams, Google Classroom và các công cụ khác).

1.1.3. Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến

a) Hỗ trợ 70% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại doanh nghiệp nhỏ và vừa (*không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp*);

b) Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội (*không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp*).

## **1.2. Đơn vị thực hiện**

Sở Kế hoạch và Đầu tư (Trung tâm xúc tiến Đầu tư và Khởi nghiệp - nếu có) xây dựng kế hoạch đào tạo, lập dự toán kinh phí để tổ chức thực hiện theo quy định.

## **2. Hỗ trợ đào tạo nghề**

### **2.1. Hoạt động hỗ trợ**

Hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

- Đối tượng áp dụng: Lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tối thiểu 06 tháng liên tục.

- Điều kiện đối với lao động được hỗ trợ đào tạo nghề: Đã làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tối thiểu 06 tháng liên tục; Không quá 50 tuổi đối với nam, 45 tuổi đối với nữ.

- Ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề đối với người lao động thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh và người lao động làm việc trong các doanh nghiệp hoạt động ở các địa bàn nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các doanh nghiệp do nữ làm chủ.

- Ngành nghề được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo dưới 3 tháng do doanh nghiệp lựa chọn, xác định trên cơ sở ngành, nghề đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và có trong danh mục ngành nghề được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

### **2.2. Định mức hỗ trợ**

Hỗ trợ chi phí đào tạo và các chi phí khác thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

### **2.3. Đơn vị thực hiện**

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh triển khai Kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc tại DNNVV theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

## **III. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CHUYỂN ĐỔI TỪ HỘ KINH DOANH**

### **1. Nội dung hoạt động hỗ trợ**

DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây: (1) Trước khi thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật; (2) Hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất là 01 năm tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Được hỗ trợ các nội dung sau:

#### **a. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp**

Hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp có nhu cầu tư vấn, liên hệ Sở kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn miễn phí các nội dung sau:

- Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.
- Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có).

Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại cơ quan đăng ký kinh doanh, miễn phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

#### **b. Hỗ trợ thủ tục đăng ký ngành, nghề kinh doanh có điều kiện**

DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà không thay đổi về quy mô được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp văn bản liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp.

**c. Hỗ trợ lệ phí môn bài**

Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

**d. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán**

Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được tư vấn hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

**2. Cơ quan thực hiện**

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thực hiện nội dung tại điểm a, b Khoản 1 nêu trên.
- Cục Thuế tỉnh chủ trì thực hiện nội dung tại điểm c Khoản 1 nêu trên.
- Sở Tài chính chủ trì thực hiện nội dung tại điểm d Khoản 1 nêu trên.

**IV. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**

**1. Tiêu chí lựa chọn**

Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Hỗ trợ DNNVV khi đáp ứng điều kiện hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Hỗ trợ DNNVV và tiêu chí xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được lựa chọn tham gia Đề án.

**2. Nội dung hỗ trợ**

**2.1. Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung**

- a) Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung (*không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp*);
- b) Hỗ trợ 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung (*không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp*). Thời gian hỗ trợ là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng.

## **2.2. Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ; khai thác và phát triển tài sản trí tuệ**

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước (*không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp*);

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu (*không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp*);

c) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước (*không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp*);

d) Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài (*không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp*).

## **2.3. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới**

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

b) Hỗ trợ 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường (*không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp*);

c) Hỗ trợ 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa (*không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp*);

d) Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới (*không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp*).

## **2.4. Hỗ trợ công nghệ**

Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp (*không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp*).

### **2.5. Hỗ trợ về đào tạo, huấn luyện chuyên sâu**

a) Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học (*không quá 5 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm*);

b) Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài (*không quá 50 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm*).

### **2.6. Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo**

a) Miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế; các sáng chế, thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học; thông tin kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tại Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế (*không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp*);

c) Hỗ trợ 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế (*không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử*);

d) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại (*không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài*);

đ) Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo (*không quá 30 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp*).

### **2.7. Hỗ trợ lãi suất vay**

Thực hiện theo quy định tại Điều 26, 27 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụ thể:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau đầu tư. Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất đối với 01 phương án, dự án sản xuất - kinh doanh trong cùng một giai đoạn.

- Doanh nghiệp vay vốn được tổ chức tín dụng thẩm định và quyết định cho vay theo quy định của pháp luật về cho vay của tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay có hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước bố trí; thực hiện tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trong từng thời kỳ, mức chênh lệch lãi suất được ngân sách nhà nước cấp bù cho các khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thông qua các tổ chức tín dụng là 2%/năm.

### **3. Phương thức lựa chọn**

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### **4. Trình tự, thủ tục**

Thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 32 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### **5. Đơn vị thực hiện**

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện nội dung 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6.

- Ngân hàng nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh thực hiện nội dung 2.7.

## **V. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ**

### **1. Tiêu chí lựa chọn**

Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực của tỉnh được hỗ trợ nếu đáp ứng các tiêu chí theo Điều 23, 24 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được lựa chọn tham gia Đề án.

## **2. Nội dung hỗ trợ**

### **2.1. Hỗ trợ đào tạo**

a) Hỗ trợ 50% chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp (*không quá 50 triệu đồng/khoá/năm/doanh nghiệp*);

b) Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị (*không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm*).

### **2.2. Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh**

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (*không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp*);

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi (*không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp*).

### **2.3. Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường**

a) Miễn phí tra cứu thông tin về các sự kiện kết nối với doanh nghiệp đầu chuỗi, quy trình tìm kiếm, xác định nhu cầu đặt hàng của các doanh nghiệp đầu chuỗi trên Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế (*không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp*);

d) Hỗ trợ 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế (*không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử quốc tế*);



đ) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại (*không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài*);

e) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước (*không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp*);

g) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị (*không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp*).

#### **2.4. Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng**

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở (*không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp*); hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (*không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp*);

b) Hỗ trợ 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường (*không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp*);

c) Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật (*không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp*).

#### **2.5. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng**

a) Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (*không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp*);

b) Hỗ trợ 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ (*không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp*);

c) Hỗ trợ 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (*không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp*).

#### **2.6. Hỗ trợ lãi suất vay**

Thực hiện theo quy định tại Điều 26, 27 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụ thể:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau đầu tư. Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất đối với 01 phương án, dự án sản xuất - kinh doanh trong cùng một giai đoạn.

- Doanh nghiệp vay vốn được tổ chức tín dụng thẩm định và quyết định cho vay theo quy định của pháp luật về cho vay của tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay có hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước bố trí; thực hiện tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trong từng thời kỳ, mức chênh lệch lãi suất được ngân sách nhà nước cấp bù cho các khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thông qua các tổ chức tín dụng là 2%/năm.

### **3. Trình tự, thủ tục**

Thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### **4. Đơn vị thực hiện**

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nội dung 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 - Khoản 2 nêu trên đối với lĩnh vực nông nghiệp;

- Sở Công Thương thực hiện hỗ trợ các nội dung 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 - Khoản 2 nêu trên đối với lĩnh vực công nghiệp;

- Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nội dung Tiết e Điểm 2.3, 2.4, 2.5 - Khoản 2 nêu trên đối với lĩnh vực của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Ngân hàng nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh thực hiện nội dung 2.6- Khoản 2 nêu trên.

## **PHẦN IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **I. KINH PHÍ**

##### **1. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện: **200.350 triệu đồng** (theo biểu đính kèm).

Trong đó:

- Chi phí hỗ trợ chung	:	11.860 triệu đồng.
- Chi phí hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực	:	18.090 triệu đồng.
- Chi phí hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	:	6.800 triệu đồng.
- Chi phí hỗ trợ doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	:	38.600 triệu đồng.
- Chi phí Quỹ bảo lãnh tín dụng	:	100.000 triệu đồng.
- Chi phí hỗ trợ DNNVV thông qua triển khai các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng	:	25.000 triệu đồng.

## 2. Nguồn vốn

Nguồn vốn thực hiện Đề án: hỗ trợ từ Ngân sách tỉnh (vốn đầu tư công 25.000 triệu đồng, vốn chi thường xuyên 59.350 triệu đồng); hỗ trợ từ ngân sách trung ương (vốn chi thường xuyên 16.000 triệu đồng); Quỹ bảo lãnh tín dụng (vốn đầu tư phát triển 100.000 triệu đồng) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

## II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan đầu mối thực hiện Đề án

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện Đề án. Hướng dẫn các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đánh giá thường xuyên và đột xuất về công tác hỗ trợ DNNVV tại địa phương và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng thời gian quy định; kịp thời đề xuất tôn vinh DNNVV có thành tích, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các chương trình hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV (bao gồm các DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh): Các khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh; các chương trình đào tạo hướng dẫn về lập phương án sản xuất kinh doanh cho các DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; quản trị doanh nghiệp và các chương trình hỗ trợ đào tạo theo quy định.

### 2. Sở Tài chính

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cấp thẩm quyền thành lập Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa và hỗ trợ khởi nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh thực hiện hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn về thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

### **3. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các chương trình hỗ trợ, phổ biến, ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến đến DNNVV; hướng dẫn, khuyến khích, hỗ trợ DNNVV áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, quản lý chất lượng; công cụ cải tiến năng suất chất lượng; công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu, đăng ký sở hữu trí tuệ, tham gia nghiên cứu sáng chế công nghệ cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng; chuyển giao ứng dụng thương mại hóa các đề tài, dự án, phát minh, sáng kiến.

- Phổ biến thông tin chính sách pháp luật, khuyến khích tổ chức, cá nhân về thành lập cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung trên địa bàn tỉnh. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tỉnh đoàn và các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan rà soát, đề xuất hình thành cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung dưới hình thức đơn vị sự nghiệp hoặc do nhà nước quản lý; đề xuất các giải pháp, chính sách nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng lựa chọn đối tượng tham gia Đề án hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 21 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Rà soát lại cơ sở hạ tầng theo lĩnh vực có liên quan phù hợp theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ và tổng hợp nhu cầu báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư đăng ký danh mục dự án theo đúng quy định tại Điều 28 và Điều 29 Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

### **4. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Tham mưu UBND tỉnh công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất (2021-2025) tỉnh Tây Ninh sau khi được Chính phủ phê duyệt theo đúng quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh các thủ tục về đất đai liên quan đến giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các DNNVV theo quy định.

### **5. Sở Lao động Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong DNNVV; xây dựng kế hoạch về hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong DNNVV theo đúng quy định. Tổng hợp kế hoạch và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp của các cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn theo quy định hiện hành báo cáo UBND tỉnh.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến Bộ Luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các thủ tục liên quan đến lao động đối với DNNVV.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kết nối cung - cầu lao động, thông qua hệ thống sàn giao dịch việc làm để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh.

### **6. Sở Nội vụ**

- Chủ trì rà soát, theo dõi, tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ đối với công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, hàng năm tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh khen thưởng kịp thời các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện tốt Đề án; tham mưu UBND tỉnh nhắc nhở, phê bình các đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ giao tại Đề án.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp thành lập và tổ chức hoạt động Hội nghề nghiệp.

### **7. Sở Công thương**

- Xây dựng và hướng dẫn thực hiện chương trình Khuyến công và phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, trình UBND tỉnh điều chỉnh cơ chế hỗ trợ mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại, liên kết ngành, lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ cho DNNVV và triển khai, hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn thủ tục hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực ngành công thương: từng bước hình thành, xác định các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị Nhà nước cần ưu tiên đầu tư hỗ trợ phát triển, đề xuất giải pháp kết nối doanh nghiệp lớn của vùng, ngành với DNNVV trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhằm tận dụng lợi thế vùng sản phẩm, tiêu chuẩn hóa sản phẩm,...

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về kỹ năng marketing, thương mại điện tử, kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế và các khóa học về điều kiện kinh doanh lĩnh vực công thương.

- Tăng cường các hoạt động, chương trình giới thiệu chia sẻ thông tin thị trường trong nước và quốc tế một cách kịp thời, chính xác bằng nhiều hình thức trợ giúp các doanh nghiệp trong việc định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Đẩy mạnh triển khai các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, trong và ngoài nước.

- Rà soát lại cơ sở hạ tầng theo lĩnh vực có liên quan phù hợp theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ và tổng hợp nhu cầu báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư đăng ký danh mục dự án theo đúng quy định tại Điểm b khoản 5 Điều 28 Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

### **8. Sở Tư pháp**

Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, các hội/hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân của tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức đẩy mạnh việc triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý, cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật cho DNNVV trên địa bàn.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho DNNVV theo định kỳ hàng năm; đồng thời báo cáo kết quả thực hiện theo đúng quy định.

### **9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức lựa chọn, trình UBND tỉnh triển khai thí điểm hỗ trợ DNNVV tham gia ít nhất một cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong các ngành, sản phẩm nông nghiệp có thế mạnh của địa phương trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp báo cáo về kết quả hoạt động hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị theo đúng quy định.

- Rà soát lại cơ sở hạ tầng theo lĩnh vực có liên quan phù hợp theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ và tổng hợp nhu cầu báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư đăng ký danh mục dự án theo đúng quy định tại Điểm b khoản 5 Điều 28 Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

### **10. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, các cơ quan truyền thông tuyên truyền rộng rãi các nội dung của Đề án; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh, Báo Tây Ninh xây dựng các chuyên trang, chuyên mục phù hợp để phổ biến nội dung của Đề án. Đẩy mạnh hỗ trợ, khuyến khích DNNVV đầu tư khởi nghiệp sáng tạo nhất là trong lĩnh vực nội dung số.

- Căn cứ hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, tham mưu UBND tỉnh ban hành “Kế hoạch hỗ trợ DNNVV chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025” theo quy định.

- Rà soát lại cơ sở hạ tầng theo lĩnh vực có liên quan phù hợp theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 và Điểm a Khoản 2 Điều 14 Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ, tổng hợp nhu cầu báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư đăng ký danh mục dự án theo đúng quy định tại Điểm b khoản 5 Điều 28 Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

### **11. Cục Thuế tỉnh**

- Chủ trì, phân công các Chi cục thuế trên địa bàn hướng dẫn và tuyên truyền Luật quản lý thuế, đảm bảo sự tiếp cận về chính sách thuế để nâng cao sự hiểu biết chấp hành các chính sách, pháp luật về thuế; hướng dẫn, tư vấn miễn phí các thủ tục hành chính về thuế; hướng dẫn chính sách miễn, giảm thuế cho doanh nghiệp; miễn giảm tiền thuê đất theo quy định. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, tư vấn về chính sách thuế cho doanh nghiệp mới thành lập.

- Hướng dẫn và cung cấp kịp thời các dịch vụ công trực tuyến cho doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

- Chỉ đạo các chi cục thuế trực thuộc, phối hợp với Phòng tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố vận động, hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh sang DNNVV; hướng dẫn tư vấn về thủ tục hành chính thuế suốt thời gian hoạt động của DNNVV.

### **12. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh**

- Chỉ đạo các chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn ưu tiên dành nguồn vốn tín dụng với lãi suất ưu đãi cho các DNNVV, trong đó đặc biệt là doanh nghiệp mới chuyển đổi từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tạo thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp. Thường xuyên tổ chức, gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp nói chung và với DNNVV nói riêng để kịp thời tuyên truyền các cơ chế, chính sách của ngành, các gói tín dụng ưu đãi, cũng như chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn đẩy mạnh thực hiện Chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và hướng dẫn DNNVV có nhu cầu vay vốn thực hiện các thủ tục theo quy định.

- Chủ trì tổng hợp nhu cầu cấp bù lãi suất của tổ chức tín dụng đối với các khoản vay cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét; gửi báo cáo định kỳ về Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

### **13. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh**

- Thông báo, công khai quy hoạch, diện tích đất trong các khu công nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo, đài, trang thông tin điện tử,... để các DNNVV tiếp cận, tìm kiếm mặt bằng để sản xuất, kinh doanh trong các khu công nghiệp; kịp thời hỗ trợ phát triển DNNVV trong quá trình triển khai dự án trong các khu công nghiệp.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin về mặt bằng sản xuất, kinh doanh và hỗ trợ các thủ tục liên quan đến cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để thực hiện dự án, giải đáp, tháo gỡ các khó khăn liên quan đến hoạt động của dự án cho các DNNVV tại địa bàn khu công nghiệp, khu kinh tế và các thủ tục pháp lý khác thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý; khuyến khích, định hướng để doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp tập trung tạo điều kiện thuận lợi đầu tư hạ tầng và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### **14. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Đoàn thể tỉnh**

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các Đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh) tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ DNNVV; về chính sách hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

### **15. UBND các huyện, thị xã, thành phố**



- Bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp, khu chế biến nông sản,... tập trung cho DNNVV phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; công khai Kế hoạch sử dụng đất hàng năm tại khu vực quản lý nhằm đẩy mạnh việc thu hồi đất sử dụng không hiệu quả, không đúng mục đích để bố trí cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất - kinh doanh đang có nhu cầu.

- Có giải pháp xử lý phù hợp, kịp thời, linh hoạt; đồng thời kiến nghị, đề xuất những giải pháp chỉ đạo, điều hành hiệu quả nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho DNNVV của tỉnh.

### **16. Các hội, hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn**

Hội Doanh nghiệp tỉnh Tây Ninh, Hội doanh nhân trẻ tỉnh Tây Ninh tích cực triển khai tuyên truyền Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn thi hành, Đề án này đến các DNNVV, hộ kinh doanh, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; phát huy vai trò là cầu nối giữa chính quyền tỉnh với cộng đồng DNNVV; chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và nhu cầu của doanh nghiệp và đề xuất trong xây dựng cơ chế chính sách.

### **17. Các cá nhân, tổ chức, hộ kinh doanh trên địa bàn**

Cung cấp thông tin, tài liệu về thành lập doanh nghiệp đầy đủ, kịp thời, chính xác theo yêu cầu của cơ quan chức năng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin, tài liệu đã cung cấp. Tuân thủ các quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước; tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ. Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

**18.** Các nội dung khác chưa quy định trong Đề án này thì thực hiện theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các nghị định hướng dẫn và các văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền cao hơn. Trong quá trình thực hiện, nếu các cơ quan, đơn vị phát hiện các nội dung của Đề án này mâu thuẫn với các quy định của luật Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các nghị định hướng dẫn và các văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền cao hơn thì thực hiện theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các nghị định hướng dẫn và các văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền cao hơn, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) điều chỉnh, bổ sung phù hợp.

Định kỳ hàng năm, thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện của ngành, đơn vị mình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (Cơ quan Thường trực thực hiện Đề án) và Văn phòng UBND tỉnh, Ban Thi đua

khen thưởng tinh (Sở Nội vụ) trước ngày 05 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Đề án, nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan gửi văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện.

Trên đây là Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai tổ chức thực hiện./.

**Biểu 1A****CHI TIẾT SỐ LIỆU DNNVV TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH***(Kèm theo Đề án hỗ trợ DNNVV giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh)*

	Lũy kế DN	Tỷ lệ DNNVV	Lũy kế DNNVV	Trung bình Thành lập mới /năm	TLM	DNNVV thành lập mới	Tỷ lệ DNNVV thành lập mới	Trung bình /năm (DNNVV)	Tỷ lệ tăng bình quân
<b>Giai đoạn 2016-2020</b>	6.051	96,50%	5.839	628	3.138	3.052	97,26%	610	10,80%
<b>Giai đoạn 2021-2025</b>	9.401	96,50%	9.072	670	3.350	3.250	97,00%	649,90	6,47%

- Trong giai đoạn 2016-2020, có 212 DN không phải là DNNVV, chiếm 3,5%

- Trong giai đoạn 2016-2020, có 86 DN thành lập mới không phải là DNNVV, chiếm 2,74%

**Biểu 1A****CHI TIẾT SỐ LIỆU DNNVV TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH***(Kèm theo Đề án hỗ trợ DNNVV giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh)*

	Lũy kế DN	Tỷ lệ DNNVV	Lũy kế DNNVV	Trung bình Thành lập mới /năm	TLM	DNNVV thành lập mới	Tỷ lệ DNNVV thành lập mới	Trung bình /năm (DNNVV)	Tỷ lệ tăng bình quân
<b>Giai đoạn 2016-2020</b>	6.051	96,50%	5.839	628	3.138	3.052	97,26%	610	10,80%
<b>Giai đoạn 2021-2025</b>	9.401	96,50%	9.072	670	3.350	3.250	97,00%	649,90	6,47%

- Trong giai đoạn 2016-2020, có 212 DN không phải là DNNVV, chiếm 3,5%

- Trong giai đoạn 2016-2020, có 86 DN thành lập mới không phải là DNNVV, chiếm 2,74%

**BIỂU 2A**  
**DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHO CÁC DNNVV**  
*(Kèm theo Đề án hỗ trợ DNNVV giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh)*

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Chi phí 01 học viên/01 hệ thống (Triệu đồng)	Kinh phí	
					Hàng năm	Giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>4.216</b>	<b>18.090</b>
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp</b>				<b>216</b>	<b>1.080</b>
1.1	Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh	Học viên	400	2	160	800
1.2	Hỗ trợ 70% tổng chi phí của một khóa quản trị doanh nghiệp	Học viên	200	2	56	280
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo trực tuyến về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp</b>				<b>0</b>	<b>500</b>
-	Kinh phí để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, duy trì, nâng cấp hệ thống đào tạo trực tuyến; khảo sát về nhu cầu đào tạo trực tuyến, truyền thông, quảng bá hệ thống đào tạo trực tuyến cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại 09 huyện thị	bộ	10	50	0	500
<b>3</b>	<b>Hỗ trợ trực tiếp tại doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất</b>				<b>102</b>	<b>510</b>
3.1	Hỗ trợ 70% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại doanh nghiệp	khóa	20	15	42	210
3.2	Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại doanh nghiệp đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ	khóa	20	15	60	300
<b>4</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo nghề</b>				<b>4.000</b>	<b>16.000</b>
-	DNNVV khi cử lao động tham gia khóa đào tạo trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo dưới 03 tháng thì được miễn chi phí đào tạo.	Học viên	8.000	2	4.000	16.000

*\* Ghi chú: Đối với Hỗ trợ đào tạo nghề, năm 2021 không thực hiện do ảnh hưởng dịch Covid - 19*

**BIỂU 2B**  
**DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ CHO DNNVV TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ**  
*(Kèm theo Đề án hỗ trợ DNNVV giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh)*

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Giá trị dự kiến	Kinh phí	
					Hàng năm	Giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<i>2.340</i>	<i>11.700</i>
1	Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh <i>(không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa)</i>	Hợp đồng	100	50 ± 100	1.500	7.500
1.1	Không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ	HĐ	50	50	500	2.500
1.2	Không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa	HĐ	50	100	1.000	5.000
2	Hỗ trợ 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh <i>(không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa)</i> .	Hợp đồng	30	20±50±100	340	1.700
2.1	Không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ	HĐ	10	20	40	200
2.2	Không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ	HĐ	10	50	100	500
2.3	Không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa	HĐ	10	100	200	1.000
3	Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp <i>(không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp)</i>	Hợp đồng	10	100	200	1.000
4	Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp <i>(không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm /doanh nghiệp)</i>	Hợp đồng	15	100	300	1.500

**BIỂU 2C**

**DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ DNNVV KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**

*(Kèm theo Đề án hỗ trợ DNNVV giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh)*

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Giá trị dự kiến	Kinh phí	
					Hàng năm	Giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.700</b>	<b>6.800</b>
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ương tạo, khu làm việc chung</b>				<b>100</b>	<b>400</b>
1.1	Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa <i>(không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp)</i>	Doanh nghiệp	16	20	80	320
1.2	Hỗ trợ 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ương tạo, khu làm việc chung <i>(không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp)</i> . Thời gian hỗ trợ là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng	Doanh nghiệp	16	5	20	80
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ; khai thác và phát triển tài sản trí tuệ</b>				<b>270</b>	<b>1.080</b>
2.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước <i>(không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp)</i>	Hợp đồng	8	30	60	240
2.2	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu <i>(không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp)</i>	Hợp đồng	8	30	60	240
2.3	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước <i>(không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp)</i>	Hợp đồng	8	50	100	400
2.4	Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài <i>(không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp)</i>	Hợp đồng	4	50	50	200

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Giá trị dự kiến	Kinh phí	
					Hàng năm	Giai đoạn 2021-2025
3	<b>Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới</b>				600	2.400
3.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở (không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp) và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp)	Hợp đồng	32	10±50	240	960
a	Xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở (không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp)	Hợp đồng	16	10	40	160
b	Xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp)	Hợp đồng	16	50	200	800
3.2	Hỗ trợ 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường (không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp)	Lần thử nghiệm	16	10	40	160
3.3	Hỗ trợ 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa (không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp)	Lần thử nghiệm	16	30	120	480
3.4	Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới (không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp)	Hợp đồng	16	50	200	800
4	<b>Hỗ trợ công nghệ</b>				200	800
4.1	Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp (không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp).	Hợp đồng	8	100	200	800



STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Giá trị dự kiến	Kinh phí	
					Hàng năm	Giai đoạn 2021-2025
5	<b>Hỗ trợ về đào tạo, huấn luyện chuyên sâu</b>				260	1.040
5.1	Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học (không quá 5 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm)	Học viên	48	5	60	240
5.2	Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài (không quá 50 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm)	Học viên	16	50	200	800
6	<b>Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo</b>				270	1.080
6.1	Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế (không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp)	Hợp đồng	4	100	100	400
6.2	Hỗ trợ 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế (không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử)	Doanh nghiệp	4	50	50	200
6.3	Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại (không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài)	doanh nghiệp	16	30	120	480

BIỂU 2D

**DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ DNNVV THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ**

(Kèm theo Đề án hỗ trợ DNNVV giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị dự kiến	Kinh phí	
					Hàng năm	Giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>7.720</b>	<b>38.600</b>
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo</b>				<b>1.500</b>	<b>7.500</b>
1.1	Hỗ trợ 50% chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp (không quá 50 triệu đồng/khoá/năm/doanh nghiệp)	Khóa đào tạo	50	50	500	2.500
1.2	Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị (không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm)	Học viên	500	10	1.000	5.000
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh</b>				<b>500</b>	<b>2.500</b>
2.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp)	Hợp đồng	50	30	300	1.500
2.2	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi (không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp).	Hợp đồng	10	100	200	1.000
<b>3</b>	<b>Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường</b>				<b>2.750</b>	<b>13.750</b>
3.1	Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế (không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp)	Hợp đồng	30	100	600	3.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị dự kiến	Kinh phí	
					Hàng năm	Giai đoạn 2021-2025
3.2	Hỗ trợ 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế (không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử quốc tế)	tài khoản	30	50	300	1.500
3.3	Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại (không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài)	Gian hàng	100	50	1.000	5.000
3.4	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước (không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp)	Hợp đồng	45	50	450	2.250
3.5	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị (không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp)	Hợp đồng	100	20	400	2.000
<b>4</b>	<b>Tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng</b>				<b>1.800</b>	<b>9.000</b>
4.1a	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở (không quá 10 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên năm)	Hợp đồng	150	10	300	1.500
4.1b	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở (không quá 50 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên năm)	Hợp đồng	75	50	750	3.750
4.2	Hỗ trợ 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường (không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp)	Lần thử nghiệm	75	10	150	750

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị dự kiến	Kinh phí	
					Hàng năm	Giai đoạn 2021-2025
4.3	Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật (không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp)	Chứng nhận	150	20	600	3.000
5	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng				1.170	5.850
5.1	Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp)	Lần thử nghiệm	75	30	450	2.250
5.2	Hỗ trợ 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ (không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp)	Lần thử nghiệm	45	30	270	1.350
5.3	Hỗ trợ 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp)	Doanh nghiệp	45	50	450	2.250